

Bản án số: 263/2022/HC-PT

Ngày 23/11/2022

V/v “*Kiến quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Phước Thanh**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Cường**

Ông **Trương Minh Tuấn**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*
Bà **Bùi Ngô Ý Nhi**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 11 năm 2022, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và tại điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hành chính thụ lý số 141/2022/TLPT-HC ngày 21 tháng 7 năm 2022 về việc “*Kiến quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2022/HC-ST ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông Y T Knul, sinh năm 1955; địa chỉ: Buôn N B, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1978; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk. Ông Lê Thanh C, sinh năm 1964; địa chỉ: huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Ông Y C Knul, sinh năm 1973; địa chỉ: huyện B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt

- **Người bị kiện:**

1. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Trung tâm hành chính huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn N - Phó Chủ tịch, vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà H L Niê, sinh năm 1954; địa chỉ: Buôn N B, xã E huyện B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Q, ông Lê Thanh C và ông Y C Knul, có mặt

2. Ông Nguyễn Mạnh X, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1955; địa chỉ: Buôn N A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk- Xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1983 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Buôn N A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk- Xin xét xử vắng mặt.

4. Ngân hàng A Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng T - Phó Giám đốc Ngân hàng A Việt Nam – Chi nhánh huyện B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: huyện B, tỉnh Đắk Lắk- Xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Q, ông Lê Thanh C và ông Y C Knul là người đại diện ủy quyền của ông Y T Knul kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Trước giải phóng năm 1975, bố mẹ ông Y T Knul có khai hoang diện tích đất khoảng 02 sào, sau đó đổi một con bò giống lấy khoảng hơn 03 sào đất của ông Y L Niê Kđăm, tổng cộng là 05 sào tại buôn N A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Năm 1988, gia đình ông Y T dựng một căn nhà gỗ diện tích 20m². Đến năm 1992 dựng thêm một căn nhà gỗ lớn hơn ở phía sau căn nhà này (diện tích 70m²). Quá trình sử dụng, gia đình ông cho Công an huyện E mượn căn nhà gỗ nhỏ đóng chốt tuần tra, sau đó thì cho ông H mượn làm nhà may quần, áo (hiện không rõ ông H ở đâu).

Năm 1996, ông Nguyễn Mạnh X chuyển từ ngoài bắc vào, do không có đất làm ăn nên ông X có mượn phần đất trũng phía sau nhà ông Y T để trồng rau muống (hiện nay là thửa 165, tờ bản đồ số 03, diện tích 455m²). Việc cho mượn chỉ nói miệng chứ không lập giấy tờ. Năm 1997, ông Y T đòi lại nhưng ông X không trả.

Trước đó vào năm 1994, ông Y T đã bán bớt một số diện tích đất ở cho hộ ông Nguyễn Văn Đ, bà Đặng Thị K, ông Đỗ Xuân V, chỉ còn lại diện tích đất ông

X chiếm giữ không trả. Sau đó qua tìm hiểu, ông Y T được biết thửa đất số 165 của gia đình ông đã được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 501069 ngày 05/5/2005 mang tên hộ ông Nguyễn Mạnh X.

Từ năm 2013 đến năm 2019, ông Y T liên tục gửi đơn đến UBND xã E để giải quyết tranh chấp. UBND xã đã tổ chức hòa giải nhiều lần với hai hộ gia đình, cán bộ địa phương thời đó đã thừa nhận lô đất thửa đất số 165 có nguồn gốc của gia đình ông Y T. Tại thời điểm đó, ông Nguyễn Khắc H là Chủ tịch UBND xã E gợi ý cho gia đình ông X bồi thường cho gia đình ông Y T là 20.000.000 đồng nhưng ông Y T yêu cầu lấy lại đất chứ không nhận tiền.

Ngày 10/11/2020, ông Y T gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện B khiếu nại việc UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số AC 501069 ngày 05/5/2005 đổi với thửa 165, tờ bản đồ số 03, diện tích 455m² cho hộ ông X vì cấp chồng lấn lên diện tích của gia đình ông Y T.

Đến ngày 09/6/2021, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 1908/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Y T, qua đó bác bỏ nội dung đơn khiếu nại của ông Y T.

Nhận thấy việc UBND huyện B cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông Nguyễn Mạnh X vào năm 2005 nhưng không xác định vị trí, hình dạng, kích thước, ranh giới rõ ràng, không có chữ ký tứ cận của các hộ liền kề là vi phạm quy trình cấp GCNQSDĐ theo quy định Luật đất đai năm 2003; xác định nguồn gốc đất do ông X khai hoang là trái ngược với lời khai của các nhân chứng và của chính ông X (theo nội dung của biên bản hòa giải tại xã E năm 2019). Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện B là không khách quan, chưa xem xét đến lời khai của cán bộ chủ chốt tại địa phương thời kỳ trước đây cũng như ý kiến của các hộ dân sinh sống lâu năm, liền kề với khu vực đất tranh chấp.

V vậy, ông Y T khởi kiện yêu cầu Tòa án:

Hủy Quyết định số 1908/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Y T Knul. Tuyên hủy GCNQSDĐ số AC 501069 do UBND huyện B cấp ngày 05/5/2005 mang tên hộ ông Nguyễn Mạnh X đối với thửa đất số 165, tờ bản đồ số 03, diện tích 455m² vì không đúng nguồn gốc, không có chữ ký của các hộ giáp ranh liền kề, người đại diện cho chính quyền xã là ông Y K Knul, Chủ tịch xã E ký xác nhận nhằm vị trí (lô đất có nhà đối diện lô đất tranh chấp, cách nhau một con đường mòn cũ trước đây).

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Lê Văn Nuôi trình bày:

Về trình tự cấp GCNQSDĐ số AC 501069 ngày 05/5/2005 mang tên hộ ông Nguyễn Mạnh X:

Ngày 11/4/2005, ông Nguyễn Mạnh X nộp Đơn xin cấp GCNQSDĐ tại UBND xã E đối với thửa đất số 165 và thửa số 84, tờ bản đồ số 03, diện tích 19.520m² địa chỉ: buôn N A, xã E, huyện B, kèm theo trích lục bản đồ địa chính và tờ khai sử dụng đất có thôn trưởng xác nhận. Nguồn gốc đất theo ông X kê khai là tự nhận ở từ năm 1989.

Ngày 12/4/2005, UBND xã E xác nhận vào đơn xin cấp GCNQSDĐ của ông X nội dung như sau:

Tình trạng tranh chấp, khiếu nại về đất: Không.

Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất: Giáp đường tỉnh lộ đất ở, sau lưng đất nông nghiệp.

Ngày 24/5/2005, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B xác nhận kết quả thẩm tra: Đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên cơ sở đó, UBND huyện B đã cấp GCNQSDĐ cho hộ ông X theo quy định của Luật đất đai năm 2003 và Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/11/2004 của Chính phủ. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đối với Quyết định số 1908/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Y T Knul:

Ngày 10/11/2020, ông Y T Knul khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện B về việc cấp GCNQSDĐ thửa đất số 165, tờ bản đồ số 03, diện tích 455m² cho hộ ông X là cấp chồng lấn lên diện tích đất của gia đình ông Y T, có nguồn gốc gia đình ông Y T khai hoang trước năm 1975.

Ngày 01/3/2021, UBND huyện ban hành Quyết định số 867/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại của ông Y T Knul. Ngày 02/3/2021 ban hành Thông báo số 35/TB-UBND về việc thụ lý khiếu nại lần đầu đối với ông Y T.

Ngày 30/3/2021, Đoàn xác minh khiếu nại ban hành báo cáo số 01/BC-ĐXM về kết quả kiểm tra, xác minh nội dung đơn khiếu nại.

Ngày 03/6/2021, UBND huyện tổ chức đối thoại với ông Y T và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan, đất bà Đoài; Phía Tây giáp đường cũ; Phía Nam giáp đường cũ; Phía Bắc giáp đường liên huyện, Đến ngày 16/12/2020, do sức khỏe yếu nên bố mẹ đã chuyển nhượng thửa đất 165 cho vợ chồng ông T bà H. Hợp đồng chuyển nhượng đã được công chứng chứng thực theo quy định pháp luật. Hiện nay ông T bà H đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B chỉnh lý biến động trong GCNQSD đất.

Nay ông Y T khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSD đất số AC 501069 mang tên hộ ông Nguyễn Mạnh X do UBND huyện B cấp ngày 05/5/2005 thuộc thửa đất số

165, tờ bản đồ số 03, diện tích 455m² đã được chỉnh lý biên động chuyển nhượng cho ông T bà H thì ông T bà H không đồng ý. Bởi lẽ ông Y T không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc sử dụng đất mà chỉ căn cứ vào lời khai của một số người làm chứng là không khách quan. Đề nghị Tòa án giải quyết bảo vệ quyền lợi cho ông bà, ông bà không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A Việt Nam - Chi nhánh huyện B trình bày:

Ngày 29/6/2021, ông T, bà H ký Hợp đồng tín dụng số 5213-LAV- 2021 01312 để vay Ngân hàng số tiền 600.000.000 đồng, mục đích kinh doanh mua bán nông sản, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 28/6/2022. Khi vay, ông bà có thể chấp 02 tài sản bảo đảm, trong đó có thửa đất số 165, tờ bản đồ số 03, diện tích 455m² theo GCNQSDĐ số AC 501069 cấp ngày 05/5/2005 đã được chỉnh lý biên động cho ông T, bà H thể hiện tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11/2021-VP ngày 28/01/2021, Hợp đồng được công chứng theo quy định.

Quá trình vay, ông T bà H vẫn đang thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, bảo vệ quyền lợi cho Ngân hàng.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H'Lem Niê trình bày:

Bà là vợ của ông Y T Knul về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất bà thống nhất như lời trình bày của ông Y T, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Mạnh X và bà Nguyễn Thị G trình bày:

Năm 1988, ông X, bà G đi kinh tế mới vào sinh sống tại buôn N A, xã E, huyện B. Thửa đất 165, tờ bản đồ số 03 có nguồn gốc do ông bà khai hoang năm 1989 từ việc san lấp hố bom, 0 môi, gốc cây to. Thửa đất có vị trí sát mặt đường tỉnh lộ 1, nằm kẹp giữa hai con đường (*đường tỉnh lộ 1 cũ đã bỏ và đường tỉnh lộ mới đang sử dụng*).

Năm 1990, ông X bà G làm nhà tạm (*nhà tranh*) sinh sống, đến năm 1995 ông bà cải tạo lại thành nhà bán kiên cố diện tích 56m² (*nhà sàn, vách ván, lợp ngói*) để ở, khuôn viên còn lại ban đầu trồng lúa, đậu, về sau do đất thấp nên ông bà đổ thêm đất và trồng cây ăn trái.

Đến năm 1997, theo hướng dẫn của cán bộ địa chính xã, gia đình ông X làm Giấy xác nhận quyền sử dụng đất thổ cư và quyền sở hữu nhà ở, được UBND xã E

và UBND huyện B xác nhận. Trong tài liệu này có ghi diện tích là 300m² do khi đó ông bà chỉ ước tính chứ không đo đạc.

Năm 2004, theo chính sách kê khai tập trung ai có đất thì kê khai để được cấp GCNQSDĐ nên ông X cũng thực hiện việc kê khai thửa đất 165 tờ bản đồ số 03. Đến ngày 05/5/2005, gia đình ông X được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số AC 501069 đối với thửa đất trên.

Quá trình sử dụng đất từ năm 1989 đến năm 2013 gia đình ông bà sử dụng ổn định không tranh chấp với ai. Năm 2013, Nhà nước xây dựng công trình thủy điện Sêrêpôc 4 nên tiến hành đền bù cho các hộ dân bị ảnh hưởng thì ông Y T Knul mới đến tranh chấp đất với gia đình ông. Hiện tại thửa đất 165 ông bà đã chuyển nhượng cho vợ chồng con trai là Nguyễn Bá T, Phạm Thị H. Nay ông Y T khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSD đất số AC 501069 thì ông bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bá T và bà Phạm Thị H trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất 165, tờ bản đồ số 03 diện tích 455m² tại buôn N A, xã E, huyện B do bố mẹ của ông T là ông X bà G khai hoang từ năm 1989 để trồng hoa màu. Đến ngày 16/12/2020, vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng và đã được chỉnh lý đứng tên ông bà tại GCNQSD đất số AC 501069 theo đúng quy định của pháp luật nên không chấp nhận khởi kiện của ông Y T Knul.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2022/HC-ST, ngày 17/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm g khoản 1 Điều 143; Điều 144; Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Khoản 6 Điều 50 Luật đất đai năm 2003, điểm b khoản 2 Điều 38, khoản 2 Điều 48 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai; điểm a khoản 4 Điều 95 Luật đất đai năm 2013; Điều 27, Điều 28 và Điều 32 Luật khiếu nại năm 2011.

Điểm đ khoản 1 Điều 1, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Y T Knul về việc hủy Quyết định số 1908/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Y T Knul trú tại buôn N B, xã E,

huyện B và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 501069 do UBND huyện B cấp ngày 05/5/2005 mang tên hộ ông Nguyễn Mạnh X đối với thửa đất số 165, tờ bản đồ số 03, diện tích 45 5m² đã được chỉnh lý biến động cho ông Nguyễn Bá T, bà Phạm Thị H.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo cho đương sự.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, ông Nguyễn Văn Q, ông Lê Thanh C và ông Y C Knul là người đại diện ủy quyền của ông Y T Knul kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định số 1908/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện B và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 501069 do UBND huyện B cấp ngày 05/5/2005 mang tên hộ ông Nguyễn Mạnh X.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn Q, ông Lê Thanh C và ông Y C Knul không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính và về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX tuyên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo lời khai của người khởi kiện là ông Y T và bà H L Niê (vợ ông Y T) thì thửa đất số 165, tờ bản đồ số 03, diện tích 455m² tại buôn N A, xã E, huyện B có nguồn gốc do bố mẹ ông khai hoang và đổi đất của ông Y L Niê Kdăm trước năm 1975 và đây là diện tích đất trũng phía sau mà ông Y T cho ông X mượn bằng miệng vào năm 1996 để trồng rau muống (là thửa 165, diện tích 455m²).

Lời khai của ông Y T, bà H L Niê không được ông Nguyễn Mạnh X, bà Nguyễn Thị G thừa nhận đã mượn thửa đất số 165, tờ bản đồ số 03 đang tranh chấp của vợ chồng của ông Y T, bà H L Niê và cho rằng nguồn gốc do ông bà khai hoang năm 1989 (từ việc san lấp hố bom, ụ mồi...). Ngoài ra, ông Y T và bà H L Niê không có tài liệu, giấy tờ về việc cho mượn, không có các giấy tờ về nguồn gốc đất theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai. Chứng cứ để chứng minh cho việc khởi kiện của ông Y T là lời khai của các nhân chứng là ông Y K Knul, ông Y Ken Knul, bà H W Hra, bà Đặng Thị K, bà Bùi Thị Loan và ông Y L Niê Kdăm do ông Y T cung cấp nhưng các lời khai của các nhân chứng là không rõ ràng: “*khu vực liên quan đến thửa 165; ông Y T có đất tại khu vực ấy ...*” và có mâu thuẫn, không thống nhất; có nhân chứng cho rằng đất là của ông Y T, có nhân chứng cho rằng đất của ông X. Đồng thời, diện tích thửa đất số 165, tờ bản đồ số 03 đang tranh

chấp là đất trồng, nằm phía sau diện tích đất ông Y T, bà H L Niê sử dụng, không có nhà ở gỗ như ông Y T, bà H L Niê và nhân chứng Nguyễn Văn Đ, bà Đặng Thị K đã khai báo. Mặt khác, theo lời khai của nhân chứng ông Y K Knul và kết quả xác minh tại UBND xã E thì thửa đất trên có nguồn gốc là của Đội công tác khai phá, sử dụng từ năm 1978, sau khi Đội công tác chuyển đi nơi khác thì các hộ dân đến canh tác... phù hợp với nội dung của đơn khiếu nại ngày 14/9/2013 và biên bản làm việc ngày 29/9/2020 của bà H L Niê, bà H L Niê thừa nhận là đất của Đội công tác: *“là đất của nhân dân buôn N khai hoang giao cho cán bộ đội công tác trồng hoa màu để cải thiện”, “gia đình tôi xin đội công tác... để canh tác, sử dụng”*. Do đó, lời khai của các nhân chứng và lời khai của ông Y T, bà H L Niê không đủ cơ sở để tin cậy, không đủ cơ sở để xác định nguồn gốc đất của ông Y T.

Hơn nữa, sau khi chuyển nhượng đất cho bà Bùi Thị Loan, cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và cho vợ chồng ông Đỗ Xuân V (*chỉ còn lại diện tích đất của thửa đất 165, tờ bản đồ số 03 đang tranh chấp đang do ông X sử dụng*) thì gia đình ông Y T đã chuyển đến buôn N B, xã E sinh sống, không có tranh chấp hoặc khiếu nại và cũng không có kê khai đăng ký đối với thửa đất số 165, tờ bản đồ số 03, diện tích 455m² tại buôn N A, xã E; Bên cạnh đó, gia đình ông X, bà G sử dụng đất liên tục từ năm 1988, tính đến thời điểm ông Y T tranh chấp (*năm 2013*) đã là hơn 25 năm và gia đình ông X, bà G xây dựng nhà ở nhiều lần nhưng không có tranh chấp hoặc khiếu nại của gia đình ông Y T là đã thừa nhận việc quản lý, sử dụng đất của gia đình ông X, bà G.

[2] Trong quá trình thực hiện cấp GCNQSDĐ cho hộ ông X có các sai sót về thủ tục (*không có bản mô tả ranh giới, xác nhận của các chủ đất liền kề, UBND xã không xác nhận nguồn gốc thời điểm sử dụng đất và thực hiện việc niêm yết công khai các hộ đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ*) nhưng như đã nhận định trên: Không có căn cứ xác định nguồn gốc đất và quá trình quản lý sử dụng đất liên tục, ổn định của ông Y T, bà H L Niê; hộ ông X là người sử dụng đất đối với thửa đất 165, tờ bản đồ số 03 là liên tục, ổn định và xây dựng nhà ở từ năm 1988 và quá trình đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thôn trưởng và UBND xã E xác nhận không có tranh chấp, khiếu nại, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B xác định đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên UBND huyện B đã cấp GCNQSDĐ cho hộ ông X là đúng nguồn gốc, thực tế sử dụng đất và quy định của pháp luật.

Ngoài ra, người khởi kiện còn có ý kiến cho rằng tại phiên hòa giải của UBND xã E vào ngày 22/4/2014, ông X đã chấp nhận đền bù cho gia đình ông Y T số tiền 20.000.000 đồng là đã chấp nhận đất của gia đình ông Y T. Tuy nhiên, theo nội dung của Biên bản hòa giải của UBND xã E vào ngày 22/4/2014 thể hiện đây là ý kiến của ông Nguyễn Khắc H- Chủ tịch UBND xã E là người chủ trì phiên hòa giải này gợi ý để các bên thỏa thuận nhưng không thỏa thuận được. Tại phiên tòa,

ông X và bà G không thống nhất ý kiến của bên khởi kiện về việc ông bà chấp nhận đền bù số tiền 20.000.000 đồng. Do đó, ý kiến của người khởi kiện là ông Y T không có cơ sở để xem xét.

[4] Từ các nhận định trên, HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q, ông Lê Thanh C và ông Y C Knul là người đại diện ủy quyền của ông Y T Knul.

[5] *Về án phí*: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Y T Knul phải chịu án phí hành chính phúc thẩm nhưng ông Y T Knul là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho Y T Knul.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của những người đại diện ủy quyền của ông Y T Knul và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Y T Knul về việc hủy Quyết định số 1908/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Y T Knul và về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 501069 do UBND huyện B cấp ngày 05/5/2005 mang tên hộ ông Nguyễn Mạnh X đối với thửa đất số 165, tờ bản đồ số 03, diện tích 455m²; đã được chỉnh lý biến động cho ông Nguyễn Bá T, bà Phạm Thị H.

2/ Án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Y T Knul được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Dương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê phước Thanh